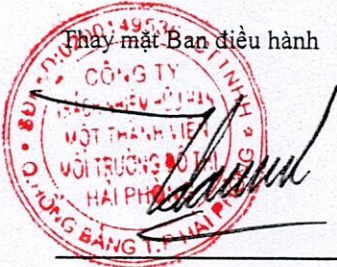


- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp.

Ban điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban điều hành



Trần Quang Đăng

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch và Ban điều hành
Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Hải Phòng được lập ngày 22 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Hải Phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPA HANOI. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 20 tháng 03 năm 2021.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HÃNG KIỂM TOÁN
AASC
HANOI

Nguyễn Ngọc Lâm

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 1427-2018-002-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2022

Bùi Thị Ngọc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 5145-2021-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		104.964.731.461	108.618.544.450
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	14.060.324.892	13.349.394.600
111	1. Tiền		14.060.324.892	13.349.394.600
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		88.821.916.375	94.856.135.885
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	49.616.899.967	51.609.612.591
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	178.500.000	178.500.000
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		5.545.771.881	6.208.056.966
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	07	33.480.744.527	36.859.966.328
140	III. Hàng tồn kho	08	1.116.016.097	413.013.965
141	1. Hàng tồn kho		1.116.016.097	413.013.965
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		966.474.097	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	966.474.097	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		239.302.245.687	280.395.346.284
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		70.501.160.835	85.591.460.776
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	70.501.160.835	85.591.460.776
220	II. Tài sản cố định		158.401.084.852	182.918.449.036
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	157.349.184.093	181.733.299.300
222	- Nguyên giá		505.400.618.210	501.424.557.800
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(348.051.434.117)	(319.691.258.500)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.051.900.759	1.185.149.736
228	- Nguyên giá		3.041.946.556	3.082.874.352
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.990.045.797)	(1.897.724.616)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	09	10.400.000.000	11.885.436.472
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		10.400.000.000	11.885.436.472
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		344.266.977.148	389.013.890.734

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

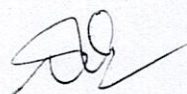
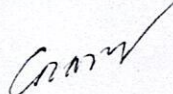
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		171.901.490.658	190.705.589.780
310	I. Nợ ngắn hạn		101.400.329.823	104.844.129.004
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	6.321.672.552	7.695.637.690
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.786.605.343	4.732.293.419
314	3. Phải trả người lao động		13.716.137.672	15.194.627.164
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	28.655.388.340	37.700.879.737
316	5. Phải trả nội bộ ngắn hạn	17	1.852.722.811	16.453.050.069
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.839.447.296	1.663.397.567
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	19.521.960.768	-
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	4.569.277.250	5.633.038.562
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		21.137.117.791	15.771.204.796
330	II. Nợ dài hạn		70.501.160.835	85.861.460.776
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	70.501.160.835	85.591.460.776
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	-	270.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		172.365.486.490	198.308.300.954
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	18.853.788.239	19.973.327.111
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		7.805.513.614	7.805.513.614
411a	<i>Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>7.805.513.614</i>	<i>7.805.513.614</i>
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		569.753.315	569.753.315
422	3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		10.478.521.310	11.598.060.182
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		153.511.698.251	178.334.973.843
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		153.511.698.251	178.334.973.843
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		344.266.977.148	389.013.890.734

Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Trưởng phòng Kế toán tài vụ

Tổng Giám đốc


Nguyễn Hồng Nhung

Nguyễn Thị Hương Giang

Trần Quang Đăng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	320.453.122.293	318.958.932.933
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		320.453.122.293	318.958.932.933
11	4. Giá vốn hàng bán	23	292.016.146.674	289.125.173.943
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.436.975.619	29.833.758.990
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	51.040.423	55.583.301
22	7. Chi phí tài chính	25	245.701.326	108.023.966
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>245.701.326</i>	<i>108.023.966</i>
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19.809.833.289	19.902.798.822
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.432.481.427	9.878.519.503
31	11. Thu nhập khác	27	23.580.261	52.456
32	12. Chi phí khác	28	14.589.392	38.884.980
40	13. Lợi nhuận khác		8.990.869	(38.832.524)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.441.472.296	9.839.686.979
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	1.714.890.264	1.967.937.396
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>6.726.582.032</u>	<u>7.871.749.583</u>

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Nhung

Trưởng phòng Kế toán tài vụ

Nguyễn Thị Hương Giang

Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Quang Đăng

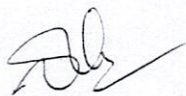
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		353.892.332.638	327.096.316.092
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(206.540.600.387)	(36.296.042.013)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(130.723.263.593)	(133.331.324.634)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(245.701.326)	(108.023.966)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.191.615.322)	(3.087.619.611)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		18.392.083.744	30.800.256.144
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(49.448.884.640)	(184.844.120.696)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(16.865.648.886)</i>	<i>229.441.316</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.726.422.013)	(36.760.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	52.456
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		51.040.423	55.583.301
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(1.675.381.590)</i>	<i>18.875.757</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		31.763.597.301	14.881.216.199
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(12.511.636.533)	(15.298.916.199)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>19.251.960.768</i>	<i>(417.700.000)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		710.930.292	(169.382.927)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		13.349.394.600	13.518.777.527
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	14.060.324.892	13.349.394.600

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Nhung

Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2022
Trưởng phòng Kế toán tài vụ





Nguyễn Thị Hương Giang

Trần Quang Đăng